

Số: /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 và năm 2022 nguồn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025 giai đoạn I: từ năm 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương cho các địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 - 2025; vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh về việc triển khai Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025;*

Theo đề nghị của Ban Dân tộc tại Công văn số 623/BDT-CSTT ngày 03 tháng 8 năm 2022 và của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 164/TTr-SKHĐT ngày 15 tháng 8 năm 2022.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1.**

1. Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, với tổng số tiền: 1.491.625.000.000 đồng (*Một nghìn bốn trăm chín mươi một tỷ, sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng*), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 1.329.553.000.000 đồng;
- Ngân sách tỉnh: 162.072.000.000 đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).*

2. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, với tổng số tiền: 279.381.000.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi chín tỷ, ba trăm tám mươi một triệu đồng*), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 259.381.000.000 đồng;
- Ngân sách tỉnh: 20.000.000.000 đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)*

\* Ghi chú: Đối với các dự án do Ban Dân tộc, Sở Giáo dục và Đào tạo làm chủ đầu tư sẽ phân bổ kế hoạch vốn sau khi đảm bảo thủ tục đầu tư theo quy định.

3. Phê duyệt danh mục, mức vốn và giao nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được HĐND tỉnh thống nhất tại Điều 2 Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, như sau:

*(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)*

\* Đối với dự án Xây dựng đường giao thông tuyến ĐH4 từ xã Chợ Chun, huyện Nam Giang đi xã Ga ri, huyện Tây Giang (thuộc địa phận xã Chợ Chung, huyện Nam Giang): giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, làm việc với Ban Dân tộc và các đơn vị liên quan để xác định rõ nguồn vốn đầu tư bổ sung, quy mô đầu tư thực hiện công trình, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh trước khi thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Ban Dân tộc căn cứ tổng nguồn vốn đầu tư phát triển được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh giao hằng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã

hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu, kế hoạch vốn cho các địa phương, đơn vị theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ban Dân tộc rà soát khả năng cân đối ngân sách, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND bổ sung 12.072.000.000 đồng để đảm bảo vốn đối ứng ngân sách tỉnh triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Dân tộc trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, giám sát, đôn đốc các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện đầy đủ các thủ tục liên quan về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đảm bảo đúng quy định, đạt tiến độ, kế hoạch yêu cầu; kịp thời báo cáo, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết các phát sinh, vướng mắc (nếu có)

4. Ban Dân tộc, Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ danh mục, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, mục tiêu, sự cần thiết đầu tư của các dự án tại Phụ lục III để lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án, trình cấp thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân các huyện có tên tại Phụ lục:

- Căn cứ nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh được giao tại các Phụ lục khẩn trương xây dựng danh mục chi tiết công trình sử dụng kế hoạch vốn đầu tư phát triển trung hạn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trình HĐND cấp huyện phê duyệt để thực hiện; gửi danh mục công trình đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND cấp huyện phê duyệt cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ban Dân tộc để tổng hợp, theo dõi, báo cáo HĐND tỉnh, UBND tỉnh và Bộ, ngành Trung ương theo quy định.

- Căn cứ tổng vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh năm 2022 được phân bổ để chỉ đạo, triển khai thực hiện các thủ tục liên quan về đầu tư các công trình, dự án theo đúng quy định về quản lý đầu tư trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Phân bổ chi tiết nguồn vốn theo danh mục công trình, mã số dự án cho UBND các xã/chủ đầu tư liên quan và bố trí vốn ngân sách địa phương (cấp huyện, xã), huy động khác (nếu có) để đối ứng theo tỷ lệ, mức quy định; báo cáo kết quả phân bổ vốn kế hoạch năm 2022 về UBND tỉnh và các Sở, ngành liên quan trong vòng 07 ngày kể từ ngày phân bổ.

- Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả và thực hiện thanh, quyết toán theo quy định.

- Định kỳ hàng tháng, báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư cho các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ban Dân tộc để tổng hợp theo dõi, báo cáo UBND tỉnh, Bộ ngành Trung ương theo quy định.

6. Đề nghị Hội đồng nhân dân cấp huyện tăng cường giám sát việc thực hiện của Ủy ban nhân dân cùng cấp; phê duyệt danh mục chi tiết công trình đầu tư công trung hạn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế -

xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn phù hợp với khả năng cân đối ngân sách, đảm bảo hiệu quả, chất lượng, hạn chế đầu tư dàn trải, không để xảy ra lãng phí trong đầu tư, nợ đọng xây dựng cơ bản.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể cấp tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thường trực HĐND, Chủ tịch UBND các huyện, có tên tại các Phụ lục và thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- VPCP, Ủy ban Dân tộc, các Bộ: KH và ĐT, Tài chính;
- TT TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu VT, KTTH, KTN, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Anh Tuấn**

